



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2024

LỊCH THI KẾT THÚC CÁC MÔN HỌC
Bậc đào tạo: TRUNG CẤP - KHÓA 2023 (T4)

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	23T4-		1	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	23T4-		2	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	23T4-		3	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
4	23T4-		4	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
5	23T4-		5	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
6	23T4-		6	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
7	23T4-		7	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
8	23T4-		8	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
9	23T4-		9	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
10	23T4-		10	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
11	23T4-		11	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
12	23T4-		12	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 02
13	23T4-		13	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 03
14	23T4-		14	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 04
15	23T4-		15	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 05
16	23T4-		16	38	Toán	6	03/01/2025	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
17	23T4-		17	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 01
18	23T4-		18	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 02
19	23T4-		19	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
20	23T4-		20	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 04
21	23T4-		21	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 05
22	23T4-		22	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 01
23	23T4-		23	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 02
24	23T4-		24	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
25	23T4-		25	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 04
26	23T4-		26	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
27	23T4-		27	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 01

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
28	23T4-		28	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 02
29	23T4-		29	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 03
30	23T4-		30	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 04
31	23T4-		31	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 05
32	23T4-		32	38	Toán	6	03/01/2025	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 01
1	23T4-		1	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 01
2	23T4-		2	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
3	23T4-		3	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 03
4	23T4-		4	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
5	23T4-		5	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 05
6	23T4-		6	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
7	23T4-		7	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
8	23T4-		8	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
9	23T4-		9	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 04
10	23T4-		10	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 05
11	23T4-		11	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 01
12	23T4-		12	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 02
13	23T4-		13	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 03
14	23T4-		14	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 01
15	23T4-		15	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 02
16	23T4-		16	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 03
17	23T4-		17	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 04
18	23T4-		18	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 05
19	23T4-		19	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 01
20	23T4-		20	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 02
21	23T4-		21	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 03
22	23T4-		22	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 04
23	23T4-		23	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 05
24	23T4-		24	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 01

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
25	23T4-		25	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 02
26	23T4-		26	38	Vật lí	7	11/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 03
1	23T4-		1	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	23T4-		2	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	23T4-		3	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	23T4-		4	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	23T4-		5	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	23T4-		6	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
7	23T4-		7	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
8	23T4-		8	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
9	23T4-		9	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
10	23T4-		10	38	Địa lí	4	15/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05